TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
**HĐ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC 2026**

Số: 3075/TB-ĐHTM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

# THÔNG BÁO
# KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2026

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thương mại năm 2026 thông báo kết quả thi Vòng 2 và kiểm tra sát hạch chuyên môn xem xét tiếp nhận vào làm viên chức, kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026 và các nội dung liên quan như sau:

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 công bố kết quả thi đối với ứng viên tham dự thi Vòng 2 và ứng viên kiểm tra sát hạch chuyên môn xem xét tiếp nhận vào làm viên chức kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Thương mại năm 2026 tại bảng **Phụ lục** kèm theo Thông báo này.

2. Căn cứ Nghị định 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ, không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả các bài thi Thực hành. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

3. Trường hợp ứng viên phát hiện sai sót về thông tin cá nhân, cộng điểm ưu tiên, ứng viên gửi Đơn đề nghị điều chỉnh thông tin về Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 (đ/c Bùi Thanh Hải – Phòng Tổ chức nhân sự, phòng 210 nhà I) **trước 16h00 ngày 10 tháng 11 năm 2026** để được điều chỉnh, cập nhật.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Các đơn vị có ứng viên dự tuyển;
- Các ứng viên có tên trong phụ lục;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCNS.

**TM. HĐ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC 2026**
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

**PGS, TS. Nguyễn Đức Nhuận**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC 2026**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**
**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÒNG 2 VÀ KIỂM TRA SÁT HẠCH CHUYÊN MÔN XEM XÉT TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC**
**KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI NĂM 2026**
*(Kèm theo Thông báo số: 3075 /TB-ĐHTM ngày 06/11/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026)*

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Ứng viên tham dự thi vòng 2: 92 người** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 61 | Nguyễn Minh Hạnh | 23/11/1998 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001198026177 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị chiến lược, Viện Quản trị kinh doanh | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 2 | 62 | Đỗ Thanh Lam | 08/3/1999 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001199015820 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị chiến lược, Viện Quản trị kinh doanh | | | 574 | 82 | **82** | **Trúng tuyển** |
| 3 | 60 | Nguyễn Hải Dương | 15/4/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302010794 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, Viện Quản trị kinh doanh | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 4 | 64 | Trần Hạnh Nga | 16/10/1997 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001197035080 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị doanh nghiệp du lịch, khoa Khách sạn Du lịch | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 5 | 63 | Trần Thanh Bình | 24/9/1992 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001092006698 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Marketing Du lịch, khoa Khách sạn Du lịch | | | 492 | 82 | **82** | **Trúng tuyển** |
| 6 | 85 | Nguyễn Thị Lan Anh | 16/10/2001 | Hải Dương | Nữ | Kinh | 030301001660 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Kiểm toán, Viện Kế toán - Kiểm toán | | | 420 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 7 | 86 | Phạm Nghĩa Phong | 23/9/2002 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001202008308 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Kiểm toán, Viện Kế toán - Kiểm toán | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | 70 | Nguyễn Ngô Hằng Giang | 11/5/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001301016776 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tác nghiệp Thương mại quốc tế, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 9 | 71 | Nguyễn Nguyên Hà | 09/7/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001303019517 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tác nghiệp Thương mại quốc tế, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 10 | 72 | Phùng Minh Hồng | 08/02/2001 | Quảng Ninh | Nữ | Kinh | 022301007178 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tác nghiệp Thương mại quốc tế, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 360 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 11 | 73 | Nguyễn Thị Huệ | 30/9/1999 | Lào Cai | Nữ | Kinh | 015199000412 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tác nghiệp Thương mại quốc tế, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 450 | 75 | **75** | Không trúng tuyển |
| 12 | 65 | Đinh Hà My | 02/6/2002 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 035302000294 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Kinh doanh quốc tế, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 350 | 70 | **70** | **Trúng tuyển** |
| 13 | 66 | Trần Thu Hương | 14/01/2000 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 036300000163 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Logistics và Chuỗi cung ứng, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 375 | 75 | **75** | Không trúng tuyển |
| 14 | 67 | Đỗ Phương Linh | 07/6/2000 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 019300003450 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Logistics và Chuỗi cung ứng, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 400 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 15 | 68 | Hoàng Phương Nguyên | 07/11/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302019223 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Logistics và Chuỗi cung ứng, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | 390 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | 69 | Chu Quốc Việt | 30/8/2001 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001201024673 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Logistics và Chuỗi cung ứng, Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 17 | 76 | Lê Thị Hương Ly | 11/7/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001301010003 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Luật Thương mại quốc tế, khoa Luật | | | 546 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 18 | 77 | Nguyễn Tuệ Minh | 19/8/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302004367 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Luật Thương mại quốc tế, khoa Luật | | | 420 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 19 | 78 | Chu Bích Ngọc | 29/6/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302014879 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Luật Thương mại quốc tế, khoa Luật | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 20 | 75 | Phạm Lê Bảo Ngân | 28/7/2000 | Đà Nẵng | Nữ | Kinh | 049300013556 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Luật Kinh tế, khoa Luật | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 21 | 83 | Nguyễn Thu Hường | 10/11/1991 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 035191003168 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Tài chính công, khoa Tài chính Ngân hàng | | | 258 | 43 | **43** | Không trúng tuyển |
| 22 | 80 | Lê Thùy Linh | 22/12/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001301019728 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính Ngân hàng | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 23 | 81 | Trần Văn Thành | 29/11/2002 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001202006898 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính Ngân hàng | | | 408 | 68 | **68** | Không trúng tuyển |
| 24 | 82 | Hoàng Thị Thu Uyên | 17/8/1996 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 033196006916 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị tài chính, khoa Tài chính Ngân hàng | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 25 | 88 | Nguyễn Thúy Hạnh | 31/10/2000 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001300015490 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Thương mại điện tử, khoa Thương mại điện tử | | | 315 | 45 | **45** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | 87 | Phan Quỳnh Linh Nhi | 14/8/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302018521 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Kinh doanh số, khoa Thương mại điện tử | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 27 | 74 | Nguyễn Tuấn Huy | 25/3/2000 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001200000683 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Công nghệ thông tin, khoa Công nghệ số ứng dụng | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 28 | 01 | Phạm Thị Lệ Diễm | 07/6/1999 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001199005191 | Giáo vụ | Khoa Công nghệ số ứng dụng | Giáo vụ, phòng Quản lý đào tạo | | 390 | 65 | **65** | Không trúng tuyển |
| 29 | 02 | Nguyễn Thị Ngân Giang | 10/11/2004 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001304012721 | Giáo vụ | Khoa Công nghệ số ứng dụng | | | 450 | 75 | **75** | **Trúng tuyển** |
| 30 | 03 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 19/5/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302005445 | Giáo vụ | Khoa Công nghệ số ứng dụng | | | 378 | 63 | **63** | Không trúng tuyển |
| 31 | 04 | Đàm Quang Trung | 14/02/1992 | Ninh Bình | Nam | Kinh | 035092014118 | Giáo vụ | Khoa Công nghệ số ứng dụng | Giáo vụ, phòng Quản lý đào tạo | | 240 | 40 | **40** | Không trúng tuyển |
| 32 | 79 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 17/5/1994 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001194031901 | Giảng viên | Viện Đào tạo quốc tế | | 5 | 560 | 80 | **85** | **Trúng tuyển** |
| 33 | 05 | Phạm Minh Anh | 06/5/2000 | Hải Phòng | Nữ | Kinh | 031300000057 | Quản lý đào tạo | Ban Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế | Quản lý đào tạo, phòng Quản lý đào tạo | | 434 | 62 | **62** | Không trúng tuyển |
| 34 | 06 | Nguyễn Ngọc Minh Châu | 02/8/2001 | Phú Thọ | Nữ | Kinh | 025301008403 | Quản lý đào tạo | Ban Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế | Quản lý đào tạo, phòng Quản lý đào tạo | | 455 | 65 | **65** | Không trúng tuyển |
| 35 | 07 | Võ Hạnh Giang | 05/9/2000 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001300035847 | Quản lý đào tạo | Ban Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế | | | 546 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 36 | 08 | Hoàng Thị Hồng Thắm | 11/12/2001 | Quảng Bình | Nữ | Kinh | 044301008782 | Quản lý đào tạo | Ban Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế | Quản lý đào tạo, phòng Quản lý đào tạo | | 336 | 48 | **48** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 09 | Lê Thị Trang | 01/7/2000 | Thanh Hóa | Nữ | Kinh | 038300027394 | Quản lý đào tạo | Ban Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế | | | 455 | 65 | **65** | Không trúng tuyển |
| 38 | 10 | Lã Quý Hiển | 29/7/2004 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001204034573 | Tư vấn học sinh, sinh viên | Ban Truyền thông và Tuyển sinh, Viện Đào tạo quốc tế | | | 525 | 75 | **75** | **Trúng tuyển** |
| 39 | 90 | Vũ Thị Hồng Nhung | 22/01/2002 | Hải Phòng | Nữ | Kinh | 030302000012 | Giảng viên | Bộ môn Thực hành Tiếng Trung Quốc, khoa Tiếng Trung Quốc | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Hà My | 05/7/2001 | Thái Nguyên | Nữ | Kinh | 019301005818 | Giảng viên | Bộ môn Tiếng Trung Quốc Thương mại, khoa Tiếng Trung Quốc | | | 560 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 41 | 92 | Vũ Thùy Dương | 03/12/2000 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001300035625 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị hiệu suất và Phát triển nhân tài, khoa Quản trị nhân lực | | | 322 | 46 | **46** | Không trúng tuyển |
| 42 | 93 | Vũ Quốc Việt | 21/8/2002 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001202017772 | Giảng viên (giảng chuyên môn bằng Tiếng Anh) | Bộ môn Quản trị hiệu suất và Phát triển nhân tài, khoa Quản trị nhân lực | | | 315 | 45 | **45** | Không trúng tuyển |
| 43 | 84 | Phạm Ngọc Hoa | 18/02/2001 | Phú Thọ | Nữ | Kinh | 026301000832 | Giảng viên | Bộ môn Phân tích dữ liệu kinh tế, khoa Toán Kinh tế | | | 492 | 82 | **82** | **Trúng tuyển** |
| 44 | 89 | Nguyễn Việt Anh | 02/02/2000 | Lào Cai | Nam | Kinh | 01520008981 | Giảng viên | Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao | | 5 | 468 | 78 | **83** | **Trúng tuyển** |
| 45 | 20 | Đỗ Diễm Hương | 13/6/1982 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 036182028162 | Quản lý đào tạo, bồi dưỡng | Phòng Tổ chức nhân sự | | | 400 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 46 | 52 | Nguyễn Thị Minh Châu | 13/3/2003 | Nghệ An | Nữ | Kinh | 040303004780 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 300 | 50 | **50** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 47 | 53 | Nguyễn Đình Hiệu | 22/10/1992 | Hưng Yên | Nam | Kinh | 034092005581 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 270 | 45 | **45** | Không trúng tuyển |
| 48 | 54 | Lê Thị Hòa | 15/5/1989 | Thanh Hóa | Nữ | Kinh | 038189008903 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | 5 | 270 | 45 | **50** | Không trúng tuyển |
| 49 | 55 | Lê Thị Huyền | 10/10/1993 | Thanh Hóa | Nữ | Kinh | 038193040357 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 330 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| 50 | 56 | Ngô Lan Hương | 22/8/2002 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 037302004868 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 300 | 50 | **50** | Không trúng tuyển |
| 51 | 57 | Trần Thùy Linh | 30/4/1993 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 034193008288 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 240 | 40 | **40** | Không trúng tuyển |
| 52 | 58 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 28/12/1993 | Nghệ An | Nữ | Kinh | 040193043476 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 53 | 59 | Nguyễn Hà Trang | 06/01/2002 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 034302010435 | Quản lý đào tạo | Phòng Quản lý đào tạo | | | 240 | 40 | **40** | Không trúng tuyển |
| 54 | 49 | Nguyễn Huệ Hằng | 08/9/1991 | Thái Nguyên | Nữ | Kinh | 019191010543 | Giáo vụ | Phòng Quản lý đào tạo | | 5 | 468 | 78 | **83** | **Trúng tuyển** |
| 55 | 50 | Nguyễn Quang Huy | 14/3/2000 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001200022529 | Giáo vụ | Phòng Quản lý đào tạo | Giáo vụ, khoa Công nghệ số ứng dụng | | 270 | 45 | **45** | Không trúng tuyển |
| 56 | 51 | Đào Thị Lụa | 23/6/2001 | Bắc Ninh | Nữ | Kinh | 024301006088 | Giáo vụ | Phòng Quản lý đào tạo | Giáo vụ, khoa Công nghệ số ứng dụng | | 360 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 57 | 11 | Lê Thị Vân Anh | 16/5/1993 | Bắc Ninh | Nữ | Kinh | 024193004679 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 58 | 12 | Nguyễn Phương Anh | 01/7/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 025303003288 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 408 | 68 | **68** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 59 | 13 | Vũ Mai Anh | 11/02/2003 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 034303006995 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 360 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 60 | 14 | Phùng Thái Bình | 04/10/2001 | Cần Thơ | Nữ | Kinh | 092301001119 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 330 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| 61 | 15 | Nông Phương Chi | 30/5/2002 | Lào Cai | Nữ | Giáy | 010302002882 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | 5 | 288 | 48 | **53** | Không trúng tuyển |
| 62 | 16 | Nguyễn Thùy Dương | 09/8/2004 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001304007764 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 468 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 63 | 17 | Nguyễn Khánh Huyền | 05/6/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001303006677 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 468 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 64 | 18 | Phạm Nguyễn Khánh Linh | 17/9/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302009005 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 408 | 68 | **68** | Không trúng tuyển |
| 65 | 19 | Tạ Bích Thủy | 13/9/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001303006510 | Hợp tác, hội nhập quốc tế | Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại | | | 468 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 66 | 31 | Tạ Thu Giang | 01/3/2004 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001304018877 | Truyền thông | Phòng Truyền thông và Tuyển sinh | | | 350 | 70 | **70** | Không trúng tuyển |
| 67 | 32 | Hồ Minh Khuê | 26/12/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 020301000022 | Truyền thông | Phòng Truyền thông và Tuyển sinh | | | 390 | 78 | **78** | **Trúng tuyển** |
| 68 | 33 | Phạm Hoàng Khánh Ly | 18/12/2003 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 037303004843 | Truyền thông | Phòng Truyền thông và Tuyển sinh | | | 250 | 50 | **50** | Không trúng tuyển |
| 69 | 34 | Nguyễn Thanh Ngân | 31/12/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001303028492 | Truyền thông | Phòng Truyền thông và Tuyển sinh | | | 300 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 70 | 21 | Doãn Trần Thảo Anh | 30/11/2004 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001304019318 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 71 | 22 | Nguyễn Ngọc Hiếu | 25/10/1996 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001096005432 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 72 | 23 | Đoàn Ngọc Khải Hoàng | 09/7/2004 | Đà Nẵng | Nam | Kinh | 048204005350 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 73 | 24 | Lê Huyền Mai | 25/10/2004 | Thanh Hóa | Nữ | Kinh | 001304014980 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | 275 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| 74 | 25 | Đỗ Thị Quỳnh Nga | 23/12/2002 | Hải Phòng | Nữ | Kinh | 030302002580 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | 275 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| 75 | 26 | Nguyễn Thị Tú Quyên | 15/02/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302012965 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | 375 | 75 | **75** | **Trúng tuyển** |
| 76 | 28 | Hoàng Thị Thu Uyên | 05/7/2000 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 034300003300 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | Vắng thi | | | Không trúng tuyển |
| 77 | 27 | Nguyễn Minh Thành | 11/6/2003 | Thanh Hóa | Nam | Kinh | 038203001929 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | 300 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 78 | 30 | Nguyễn Minh Hiếu | 07/10/2004 | Hà Nội | Nam | Kinh | 001204019719 | Hành chính - Tổng hợp | TTXS về Trí tuệ nhân tạo trong Thương mại, Dịch vụ và Quản trị doanh nghiệp | | | 350 | 70 | **70** | **Trúng tuyển** |
| 79 | 35 | Tống Trần Lệ Chi | 22/7/2002 | Lạng Sơn | Nữ | Kinh | 020302004421 | Hành chính - Tổng hợp | Ban Hành chính - Văn phòng, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | | | 360 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 80 | 36 | Nguyễn Phan Hạnh Dung | 01/3/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302005964 | Hành chính - Tổng hợp | Ban Hành chính - Văn phòng, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | | | 300 | 50 | **50** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 81 | 37 | Hoàng Khánh Huyền | 15/4/2003 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001303023973 | Hành chính - Tổng hợp | Ban Hành chính - Văn phòng, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | Hành chính - Tổng hợp, TTXS về Trí tuệ nhân tạo trong Thương mại, Dịch vụ và Quản trị doanh nghiệp | | 330 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| 82 | 38 | Lương Bảo Ngọc | 30/10/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001301018613 | Hành chính - Tổng hợp | Ban Hành chính - Văn phòng, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | | | 480 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 83 | 39 | Nguyễn Khánh Vân | 03/6/2001 | Phú Thọ | Nữ | Kinh | 017301008818 | Hành chính - Tổng hợp | Ban Hành chính - Văn phòng, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | Hành chính - Tổng hợp, TTXS về Trí tuệ nhân tạo trong Thương mại, Dịch vụ và Quản trị doanh nghiệp | | 360 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 84 | 40 | Phạm Thị Giang | 21/02/1989 | Hưng Yên | Nữ | Kinh | 034189007334 | Nghiên cứu viên | Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển bền vững, Viện Đổi mới sáng tạo và Phát triển bền vững | | | 270 | 45 | **45** | Không trúng tuyển |
| 85 | 41 | Nguyễn Ngọc Diệp | 27/6/2001 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001301002427 | Kết nối doanh nghiệp | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 325 | 65 | **65** | Không trúng tuyển |
| 86 | 42 | Võ Xuân Hiển | 17/12/1997 | Hà Nội | Nam | Thái | 001097011930 | Kết nối doanh nghiệp | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | 5 | 150 | 30 | **35** | Không trúng tuyển |
| 87 | 43 | Trương Thị Mai Phương | 12/11/1988 | Ninh Bình | Nữ | Kinh | 035188001056 | Kết nối doanh nghiệp | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 375 | 75 | **75** | **Trúng tuyển** |
| 88 | 44 | Kiều Phương Uyên | 30/11/2001 | Lào Cai | Nữ | Kinh | 010301006532 | Kết nối doanh nghiệp | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 275 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |

| TT | Số báo danh | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Giới tính | Dân tộc | CCCD | Vị trí ứng tuyển | Đơn vị ứng tuyển | Nguyện vọng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm thi vòng 2 | Điểm trung bình vòng 2 | Điểm chính thức (Điểm trung bình vòng 2 + Điểm ưu tiên) | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 89 | 45 | Trần Phương Anh | 12/6/2003 | Phú Thọ | Nữ | Kinh | 025303011622 | Tư vấn dịch vụ việc làm | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 400 | 80 | **80** | **Trúng tuyển** |
| 90 | 46 | Nguyễn Thị Hằng | 05/01/1989 | Nghệ An | Nữ | Kinh | 040189000867 | Tư vấn dịch vụ việc làm | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 300 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 91 | 47 | Nguyễn Thị Hồng Minh | 18/10/2002 | Hà Nội | Nữ | Kinh | 001302024526 | Tư vấn dịch vụ việc làm | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 300 | 60 | **60** | Không trúng tuyển |
| 92 | 48 | Hà Thị Lê Phương | 12/11/1997 | Phú Thọ | Nữ | Kinh | 025197000852 | Tư vấn dịch vụ việc làm | Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Việc làm | | | 275 | 55 | **55** | Không trúng tuyển |
| **II** | **Ứng viên tham dự kiểm tra sát hạch chuyên môn xem xét tiếp nhận vào làm viên chức: 01 người** | | | | | | | | | | | | | | |
| 93 | 29 | Đào Thị Hải Yến | 30/4/1989 | Hải Phòng | Nữ | Kinh | 031189014999 | Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí | Phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ | | | 288 | 48 | **48** | Không đủ điều kiện tiếp nhận vào làm viên chức |

*(Danh sách này gồm có 93 người./.)*